

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-5-2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Nhà trọ Nguyễn Văn B, tổ D, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Nhà trọ Nguyễn Văn B, tổ D, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2024, bản tự khai ngày 26/02/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Văn N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2021 ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Sau khi kết hôn, chị và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn

yêu thương nhau. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với anh N để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà còn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Đào Đỗ Thanh N1, sinh ngày 22/5/2021. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh Đào Văn N đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh N tham gia các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh N để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Chị Đỗ Thị T thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Đào Văn N trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Đào Văn N và chị Đỗ Thị T không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Đỗ Thị T, anh Đào Văn N có 01 con chung tên Đào Đỗ Thanh N1, sinh ngày 22/5/2021. Khi ly hôn, chị Đỗ Thị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 và tạm thời không yêu cầu anh Đào Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị T giao con chung là cháu Đ Đỗ Thanh N1, sinh ngày 22/5/2021 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện

cháu N1 đang ở với chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về phần anh Đào Văn N thì không đến Tòa làm việc, không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đối với yêu cầu cấp dưỡng do chị Đỗ Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đào Văn N; đồng thời Công an phường T, thành phố B xác định anh Đào Văn N hiện đang sinh sống tại địa chỉ tổ D, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Đào Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Anh Đào Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2021 ngày 10 tháng 5 năm 2021 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Đỗ Thị T thì sau khi kết hôn, chị và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với anh N để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà còn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn nữa. Nay chị Đỗ Thị T làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Đào Văn N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Đào Văn N thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập cho anh N để làm việc, hòa giải đoàn tụ, đồng thời để anh N có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị T. Tuy nhiên, anh N không lên Tòa để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ anh N không còn quan tâm đến chi Thom, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/3/2024, thì ông Nguyễn Thành H là công chức tư pháp phường Trảng Dài xác định vợ chồng anh Đào Văn N, chị Đỗ Thị T trong quá trình chung sống không báo chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng anh Đào Văn N, chị Đỗ Thị T đã có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Đào Văn N là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh Đào Văn N, chị Đỗ Thị T có 01 con chung tên Đào Đỗ Thanh N1, sinh ngày 22/5/2021. Khi ly hôn, chị Đỗ Thị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N1 và tạm thời không yêu cầu anh Đào Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì hiện cháu Đ Đỗ Thanh N1 đang do chị T trực tiếp chăm sóc, cháu N1 vẫn đang phát triển bình thường. Trong khi anh Đào Văn N không lên tòa làm việc để có ý kiến về con chung, không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của các cháu, cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, do chị Đỗ Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Đào Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Đào Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đào Đỗ Thanh N1, sinh ngày 22/5/2021 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đào Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh Đào Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.
3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002328 ngày 24/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Đỗ Thị T đã nộp xong.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T, anh Đào Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- UBND xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ